TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 109/2019/HSPT Ngày: 23/8/2019	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Quyết.

Ông Nguyễn Gia Lương.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Thân Thị Hải Minh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- ***Đại diện VKSND tỉnh Bắc giang tham gia phiên toà:*** Bà Lâm Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/8/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 53/TLPT-HS ngày 22/02/2019 đối với bị cáo Hoàng Văn C, Hoàng Văn T và Nguyễn Văn T1 do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 04/2018/HSST ngày 16/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện H8, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

1. Họ và tên: **Hoàng Văn C**, sinh năm 1981 tại xã S, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn C5, xã S, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn Đ- sinh năm 1960 và bà: Trịnh Thị H- sinh năm 1960; có vợ: Lê Thị P- sinh năm 1988 và 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 68/2009/HSST ngày 30/11/2009 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xử phạt Hoàng Văn C 18 tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản" (bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/8/2010, chấp hành xong tiền án phí ngày 12/3/2010); Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 80 ngày 02/4/2014 của Công an huyện Y, tỉnh Bắc Giang xử phạt Hoàng Văn C 1.100.000 đồng về hành vi "Đánh bạc". C chấp hành xong ngày 04/4/2014; bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/10/2017 đến ngày 09/02/2018 được thay thế bằng biện pháp bảo lĩnh. Hiện bị cáo tại ngoại- Có mặt.

2. Họ và tên: **Hoàng Văn T**, sinh năm 1975 tại xã N4, huyện Y1, tỉnh Bắc Giang. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn S1, xã C6, huyện Y1, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính:

Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn N - sinh năm 1946 và bà: Giáp Thị C1 - sinh năm 1950; có vợ: Dương Thị H1-sinh năm 1975 và 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2002; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/10/2017 đến ngày 09/02/2018 được thay thế bằng biện pháp bảo lĩnh. Hiện bị cáo tại ngoại- Có mặt.

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn T1,** sinh năm 1967 tại xã T11, huyện H8, tỉnh Bắc Giang. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn H9, xã T11, huyện H8, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 5/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T2 (đã chết) và bà: Ngọ Thị T3 - sinh năm 1928; có vợ: La Thị G-sinh năm 1971 và 02 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1993; tiền án: Bản án số 2153 ngày 26/10/1998 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội- Tòa án nhân dân tối cao xử phạt Nguyễn Văn T1 20 năm tù về tội "Hiếp dâm trẻ em". T1 chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/01/2014, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 26 ngày 19/8/1996 của Tòa án nhân dân huyện H8, tỉnh Bắc Giang xử phạt Nguyễn Văn T1 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 tháng về tội "Trộm cắp tài sản của công dân" (Tài sản trộm cắp trị giá 220.000 đồng); bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/10/2017 đến ngày 17/4/2018 được thay thế bằng biện pháp bảo lĩnh. Hiện bị cáo tại ngoại- Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn C:*

Ông Dương Minh K- Luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Hoàng Văn C, Hoàng Văn T, Nguyễn Văn T1:*

Ông Đồng Duy C2, ông Phan Văn T4- Văn phòng luật sư Phan T5- Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

- *Bị hại:*

1. Anh Đoàn Văn G1, sinh năm 1997. Vắng mặt.

Địa chỉ: H10, xã N1, huyện N2, tỉnh Nam Định.

2. Anh Đoàn Quốc C1, sinh năm 1997. Vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm 12, N3, xã B1, huyện H11, tỉnh Thái Bình.

3. Anh Phạm Văn H2, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Địa chỉ: V, V1, C7, Hưng Yên.

4. Anh Lê Hồng Q, sinh năm 1996. Vắng mặt.

Hộ khẩu thường trú: T12, T13, V2, Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Ngõ 401, 8, L2, Hà Nội.

5. Anh Nguyễn Gia T6, sinh năm 1997. Vắng mặt.

Hộ khẩu thường trú: A, A1, Y2, Nam Đinh.

Chỗ ở hiện nay: Số 116/30, đường H12, C9, Hà Nội.

6. Anh Lê Mạnh H3, sinh năm 1995. Vắng mặt.

Hộ khẩu thường trú: B3, L4, K3, Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Số 303, T13, T14, Hà Nội.

7. Anh Hà Sỹ T7, sinh năm 1984. Vắng mặt.

Hộ khẩu thường trú: thôn Q2, H13, L5, Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: Thôn B4, K4, A2, Hà Nội.

8. Anh Đàm Văn D, sinh năm 1978. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 3, khối 5, thị trấn L6, L6, Lạng Sơn.

9. Anh Đặng Hoàng Q1, sinh năm 1994. Vắng mặt.

Hộ khẩu thường trú: T15, H14, L7, Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Số 33 b, N5, C10, C9, Hà Nội.

10. Anh Ngô Văn Đ1, sinh năm 1986. Vắng mặt.

Địa chỉ: H16, T16, H15, Nam Định.

11. Anh Hoàng Văn T8, sinh năm 1996. Vắng mặt.

Hộ khẩu thường trú: Khu 7, V3, K3, Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Ngõ 8, đường C11, B5, Hà Nội.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Phạm Văn B, sinh năm 1973. Vắng mặt.

HKTT: thôn B6, xã T17, huyện L8, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở hiện nay: Thị trấn B7, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

2. Chị Lê Thị T9, sinh năm 1974. Vắng mặt.

Địa chỉ: T18, M2, H8, Bắc Giang.

3. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1951. Vắng mặt.

Địa chỉ: T18, M2, H8, Bắc Giang.

4. Anh Lê Văn K1, sinh năm 1979. Vắng mặt.

Địa chỉ: H17, T11, H8, Bắc Giang.

5. Anh Trần Văn D1, sinh năm 1970. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu 5, thị trấn Thắng, H8, Bắc Giang.

6. Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1960. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn C5, Tân Sỏi, Yên Thế, Bắc Giang.

7. Anh Nguyễn Duy H4, sinh năm 1996. Vắng mặt.

Địa chỉ: H18, T19, M3, Hải Dương.

- *Người tham gia tố tụng khác*:

+ *Người chứng kiến:* Ông Nguyễn Văn C4, sinh năm 1963. Vắng mặt.

TQ: Thôn T18, xã M2, huyện H8, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2017 Hoàng Văn C, sinh năm 1981 ở Thôn C5, xã S, huyện Y, tỉnh Bắc Giang quen biết với Hoàng Văn T, sinh năm 1975 ở Thôn S1, xã C6, huyện Y1, tỉnh Bắc Giang. Do muốn có tiền ăn tiêu nên C và T bàn với nhau lừa đảo chiếm đoạt tài sản của những người làm nghề lái xe taxi và xe ôm ở các tỉnh, thành phố ngoài tỉnh Bắc Giang bằng hình thức đánh bạc (đánh phỏm). Sau đó, C và T quen đối tượng tên M ở xã V4, huyện Y1, tỉnh Bắc Giang (M là bạn của T, T không biết địa chỉ cụ thể nhà M) và rủ M cùng thực hiện hành vi lừa đảo M đồng ý. Cũng thời gian này C và T quen Nguyễn Văn T1, sinh năm 1967 ở Thôn H9, xã T11, huyện H8, tỉnh Bắc Giang, lúc đầu C và T chỉ nói với T1 là cho mượn nhà để đánh bạc (4 vụ đầu). Từ vụ thứ năm, C và T nói với T1 việc lừa đảo những người làm nghề lái xe taxi và xe ôm bằng hình thức đánh bạc (đánh phỏm) T1 đồng ý. T1 cho C, T, M thực hiện 02 vụ tại nhà mình, sau đó do sợ bị lộ nên T1 mượn nhà của Đàm Xuân K2, sinh năm 1963 ở thôn T20, xã H19, huyện H8, tỉnh Bắc Giang và nhà của Nguyễn Văn L, sinh năm 1951 ở thôn T18, xã M2, huyện H8, tỉnh Bắc Giang đều là bạn của T1. Khi hỏi mượn nhà, T1 nói với K2 và L mượn nhà để cho các đối tượng đánh bạc.

Thủ đoạn và nhiệm vụ của các bị cáo khi thực hiện hành vi lừa đảo như sau: C, T, M người thì đi các tỉnh, thành phố ngoài tỉnh Bắc Giang đóng giả làm khách thuê xe ôm hoặc xe taxi rồi đưa về địa phận huyện H8, tỉnh Bắc Giang (nhà của T1, L, K2), người thì đóng vai là khách của chủ nhà (là người thắng bạc, ăn đền "tiền gà") để thực hiện việc lừa đảo. T1 đóng vai là chủ nhà và cầm bài đối diện với người lái xe ôm hoặc lái xe taxi. Khi bắt được xe ôm hoặc xe taxi thì người này thông báo cho những người còn lại chuẩn bị nấu cơm, địa điểm, bài (tú lơ khơ) và đưa người lái xe vào nhà T1, nhà K2 hoặc nhà L, sau đó mời họ ăn cơm, uống rượu. Trong lúc ăn cơm sẽ có một người đóng giả là khách của chủ nhà đến ăn cơm cùng. Sau khi ăn uống xong, người đóng vai khách của chủ nhà sẽ giả vờ ngủ hoặc đi ra ngoài, trong lúc đó người đóng vai người bắt xe ôm, xe taxi rủ người lái xe và chủ nhà đánh bạc bịp (đánh phỏm) để lừa tiền của người khách vừa đến ăn cơm cùng và đưa tiền cho người lái xe ôm và chủ nhà để đánh bạc. Khi đánh bạc, T1 là người ngồi đối diện với người lái xe ôm, người đóng vai là khách ngồi sau người lái xe ôm (là người thắng bạc ăn tiền gà), người đi bắt xe ôm ngồi trước người lái xe ôm. Nếu ai bị ăn một quân bài sẽ góp 200.000 đồng vào giữa (gọi là tiền gà), nếu ai đánh bài bị "ăn" 3 quân bài trong một ván thì sẽ bị đền gà cho người được ăn 3 quân bằng số tiền gà ở giữa. Khi thấy số tiền gà nhiều tương ứng với số tài sản của người lái xe ôm (là xe mô tô, điện thoại di động) thì người đóng vai bắt xe ôm sẽ đánh tráo bộ bài tú lơ khơ đang chơi bằng một bộ bài đã được chuẩn bị và được xếp từ trước rồi chia cho mọi người, tại ván bài này người lái xe ôm sẽ buộc phải đánh cho người ngồi sau mình "ăn" 3 quân bài và bị đền gà. Lúc này, người lái xe ôm không đủ tiền để trả tiền gà, người ăn đền gà sẽ nói với người

lái xe ôm đưa chìa khóa xe mô tô cầm tạm và để gà ở giữa đánh tiếp, đánh được khoảng vài ván, người ăn đền gà lúc trước sẽ xếp bài để ù, ăn nốt số "tiền gà" ở giữa. Sau đó, người ăn "tiền gà" sẽ yêu cầu người lái xe ôm đi cắm hoặc bán xe mô tô và điện thoại để trả "tiền gà", trên đường đi người ăn gà và người đi bắt xe ôm yêu cầu người lái xe ôm viết giấy bán xe và điện thoại di động. Sau khi viết xong sẽ lấy lý do để người lái xe ôm xuống xe rồi chiếm đoạt xe mô tô và điện thoại di động của người này. C là người tiêu thụ xe mô tô, điện thoại di động khi chiếm đoạt của người lái xe ôm. Số tiền chiếm đoạt được C, T, M, T1 chia nhau với tỷ lệ như sau: Nếu vụ nào có M tham gia thì chia cho M 40% số tiền chiếm đoạt, số tiền còn lại C và T chia nhau, nếu M không tham gia thì chia cho T1 từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng (tùy từng vụ) còn lại C và T chia nhau.

Bằng thủ đoạn này, từ ngày 03/5/2017 đến ngày 21/10/2017, C, T, đối tượng tên M và T1 đã thực hiện 11 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn huyện H8 (Trong đó: C, T thực hiện cùng M 3 vụ, thực hiện cùng T1 7 vụ, thực hiện cùng 1 người đi đường không quen biết do C thuê 1 vụ), cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Buổi sáng ngày 03/5/2017, Hoàng Văn T bắt xe khách lên địa bàn thị trấn L6, huyện L6, tỉnh Lạng Sơn thuê xe taxi của anh Đàm Văn D, sinh năm 1978 ở tổ 3, khu 5, thị trấn L6, huyện L6, tỉnh Lạng Sơn về nhà Nguyễn Văn T1 để thực hiện hành vi lừa đảo. Quá trình đánh bạc anh D bị đền "tiền gà" cho C 30.000.000 đồng, C yêu cầu anh D trả tiền và đưa anh D đến cầm cố xe ô tô cho anh Lê Văn K1, sinh năm 1979 ở Thôn H9, xã T11, huyện H8 với số tiền 30.000.000 đồng sau đó đưa cho C. Trong vụ này, T1 không biết việc C và T lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh D, C thuê một người không quen biết đóng vai chủ nhà. Số tiền chiếm đoạt được C, T, T1 chia nhau và ăn tiêu hết.

Đến nay, anh D đã chuộc lại xe ô tô và yêu cầu bồi thường 30.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Buổi sáng ngày 20/8/2017, đối tượng M đi xuống bến xe M4, thành phố Hà Nội thuê xe ôm của anh Đặng Hoàng Q1, sinh năm 1994 trú tại xóm T15, xã H14, huyện L7, tỉnh Nghệ An về nhà Đàm Xuân K2 để thực hiện hành vi lừa đảo. Quá trình đánh bạc anh Q1 bị đền "tiền gà" và phải trả cho C 27.000.000 đồng, M đưa cho C 3.000.000 đồng, anh Q1 đưa cho C 1.000.000 đồng. C yêu cầu anh Q1 trả số tiền còn lại là 23.000.000 đồng. Sau đó, C và M đưa anh Q1 đến cắm xe mô tô biển kiểm soát 37K1-821.81 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus của anh Q1 cho anh Trần Văn D1, sinh năm 1970 ở khu 5, thị trấn T21, huyện H8, tỉnh Bắc Giang với số tiền 23.000.000 đồng và đưa cho C. Số tiền này C, T, M chia nhau và ăn tiêu hết. Trong vụ này, T đóng vai chủ nhà, T1 không tham gia lừa đảo cùng T và C.

Đến nay, anh Q1 đã chuộc lại xe mô tô, điện thoại di động và yêu cầu bồi thường 24.000.000 đồng.

Vụ thứ ba: Buổi sáng ngày 21/8/2017, M đi xuống khu vực bến xe M4, thành phố Hà Nội thuê xe ôm biển kiểm soát 89E1-260.40 của anh Phạm Văn H2, sinh năm 1993 trú tại thôn V, xã V1, huyện C7, tỉnh Hưng Yên về nhà của Nguyễn Văn T1 để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Quá trình đánh bạc anh H2 bị đền "tiền gà" và phải trả cho C 40.000.000 đồng, anh H2 đưa cho C 01 điện thoại di động Iphone 6, C yêu cầu anh H2 viết giấy bán xe mô tô cho C với giá 37.000.000 đồng và giao xe

cho C. Sau đó, C bán xe mô tô cho một người đi đường không quen biết được 23.000.000 đồng, chiếc điện thoại di động C bán cho một người không quen biết, C không nhớ bán được bao nhiêu tiền, bán ở đâu. Số tiền chiếm đoạt được C, T, M và T1 chia nhau và ăn tiêu hết. Trong vụ này, T đóng vai chủ nhà, T1 không tham gia lừa đảo cùng T và C.

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự ngày 19/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện H8 kết luận: Chiếc xe mô tô của anh H2 trị giá 25.500.000 đồng, chiếc điện thoại Iphone 6 trị giá 3.500.000 đồng .

Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô trên là của anh Phạm Văn H2, anh H2 đề nghị bồi thường số tiền 29.000.000 đồng.

Vụ thứ tư: Buổi sáng ngày 31/8/2017, M đi xuống khu vực bến xe M4, thành phố Hà Nội thuê xe ôm biển kiểm soát 18D1-415.27 của anh Nguyễn Gia T6, sinh năm 1997 trú tại thôn A, xã A1, huyện Y2, tỉnh Nam Định về nhà của Nguyễn Văn L để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Quá trình đánh bạc anh T6 bị đền "tiền gà" và phải trả cho C 30.000.000 đồng. C yêu cầu anh T6 viết giấy bán xe mô và điện thoại di động cho C. Sau khi chiếm đoạt được tài sản của anh T6, C sử dụng xe mô tô này, C chia cho M 10.000.000 đồng, chia cho T 8.000.000 đồng, chia cho T1 500.000 đồng. C sử dụng xe mô tô của anh T6 một thời gian sau đó cầm cố cho một người không quen biết ở khu vực giáp ranh tỉnh Bắc Giang với tỉnh Lạng Sơn (C không nhớ cầm cố được bao nhiêu tiền), chiếc điện thoại di động C bán cho một người không quen biết, C không nhớ bán được bao nhiêu tiền, bán ở đâu. Đến nay chiếc xe mô tô, và điện thoại di động của anh T6 chưa thu hồi lại được. Trong vụ này, T đóng vai chủ nhà, T1 không tham gia lừa đảo cùng T và C.

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự ngày 19/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện H8 kết luận: Chiếc xe mô tô của anh T6 trị giá 35.000.000 đồng, chiếc điện thoại Sam sung J5 trị giá 1.000.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô trên là của anh Nguyễn Gia T6, anh T6 đề nghị bồi thường số tiền 36.000.000 đồng.

Vụ thứ năm: Buổi sáng ngày 19/9/2017, C đi xuống khu vực cổng Trường đại học Thủy Lợi, thành phố Hà Nội thuê xe ôm biển kiểm soát 18L1-227.07 của anh Ngô Văn Đ1, sinh năm 1986 trú tại thôn H16, xã T16, huyện H15, tỉnh Nam Định về nhà của Nguyễn Văn L để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Quá trình đánh bạc anh Đ1 bị đền "tiền gà" và phải trả cho T 6.000.000 đồng, ngoài ra, anh Đ1 bỏ ra số tiền 2.100.000 đồng để đánh bài. Anh Đ1 đưa cho T 01 điện thoại di động Oppo A37, T yêu cầu anh Đ1 viết giấy vay nợ tiền của T, sau khi anh Đ1 viết giấy vay nợ xong, T và C chiếm đoạt xe mô tô và điện thoại của anh Đ1.

Sau đó, C bán xe mô tô và điện thoại di động của anh Đ1 cho một người không quen biết (C không nhớ bán được bao nhiêu tiền và bán cho ai, ở đâu). Số tiền chiếm đoạt được C, T và T1 chia nhau và ăn tiêu hết. Đến nay chiếc xe mô tô, và điện thoại di động của anh Đ1 chưa thu hồi lại được. Trong vụ này, T1 trực tiếp tham gia lừa đảo cùng C và T, T1 đóng vai chủ nhà và cầm bài ngồi đối diện với anh Đ1. Đến nay, Cơ quan điều tra chưa thu hồi lại được chiếc xe mô tô, và điện thoại di động của anh Đ1.

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự ngày 19/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện H8 kết luận: Chiếc xe mô tô của anh Đ1 trị giá 12.000.000 đồng, chiếc điện thoại Oppo A37 trị giá 1.000.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô trên là của anh Ngô Văn Đ1, anh Đ1 đề nghị bồi thường số tiền 15.100.000 đồng.

Vụ thứ sáu: Buổi sáng ngày 20/9/2017, C đi xuống khu vực quận Đ3, thành phố Hà Nội thuê xe ôm biển kiểm soát 29U1-262.33 của anh Lê Hồng Q, sinh năm 1996 trú tại thôn T12, xã T13, huyện V2, thành phố Hà Nội về nhà của Đàm Xuân K2 để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Quá trình đánh bạc anh Q bị đền "tiền gà" và phải trả cho T 16.000.000 đồng. Anh Q viết giấy vay nợ T số tiền trên và đưa xe mô tô và điện thoại di động Oppo F1-S cho T. Sau khi viết giấy vay nợ xong, C và T chiếm đoạt xe và điện thoại của anh Q.

Ngày 11/10/2017, C cầm cố chiếc xe của anh Q cho chị Lê Thị T9, sinh năm 1974 ở thôn T18, xã M2, huyện H8, tỉnh Bắc Giang với số tiền 12.000.000 đồng. C không nói cho chị T9 biết tài sản do phạm tội mà có. T bán chiếc điện thoại di động của anh Q cho một người không quen biết (T không nhớ bán được bao nhiêu tiền và bán cho ai, ở đâu). Số tiền chiếm đoạt được C, T và T1 chia nhau và ăn tiêu hết. Trong vụ này, T1 trực tiếp tham gia lừa đảo cùng C và T, T1 đóng vai chủ nhà và cầm bài ngồi đối diện với anh Q.

Ngày 24/10/2017, chị T9 giao nộp cho Cơ quan điều tra xe mô tô và đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 29U1-262.33. Chiếc điện thoại di động của anh Q Cơ quan điều tra không thu hồi lại được.

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự ngày 19/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện H8 kết luận: Chiếc xe mô tô của anh Q trị giá 14.500.000 đồng, chiếc điện thoại Oppo F1-S trị giá 2.100.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô trên là của anh Q, anh Q đề nghị trả lại chiếc xe mô tô và bồi thường chiếc điện thoại trị giá 2.100.000 đồng, chị T9 đề nghị bồi thường 12.000.000 đồng.

Vụ thứ bảy: Buổi sáng ngày 03/10/2017, C đi xuống khu vực quận Đ3, thành phố Hà Nội thuê xe ôm biển kiểm soát 17B1-883.73 của anh Đoàn Quốc C1, sinh năm 1997 trú tại xóm 12, thôn N3, xã B1, huyện H11, tỉnh Thái Bình về nhà của Nguyễn Văn L để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Quá trình đánh bạc anh C1 bị đền "tiền gà" và phải trả cho T 17.000.000 đồng. T yêu cầu anh Đoàn Quốc C1 viết giấy vay nợ số tiền trên và để lại xe mô tô và điện thoại cho T. Sau đó, T và C đã chiếm đoạt xe và điện thoại của anh Đoàn Quốc C1.

Ngày 12/10/2017, C cầm cố chiếc xe của anh Đoàn Quốc C1 cho chị Lê Thị T9, sinh năm 1974 ở thôn T18, xã M2, huyện H8, tỉnh Bắc Giang với số tiền 8.000.000 đồng. C không nói cho chị T9 biết tài sản do phạm tội mà có. T bán chiếc điện thoại di động của anh Đoàn Quốc C1 cho một người không quen biết (T không nhớ bán được bao nhiêu tiền và bán cho ai, ở đâu). Số tiền chiếm đoạt được C, T và T1 chia nhau và ăn tiêu hết. Trong vụ này, T1 trực tiếp tham gia lừa đảo cùng C và T, T1 đóng vai chủ nhà và cầm bài ngồi đối diện với anh Đoàn Quốc C1.

Ngày 24/10/2017, chị T9 giao nộp cho Cơ quan điều tra xe mô tô và đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 17B1-883.73. Chiếc điện thoại di động của anh Đoàn Quốc C1 không thu hồi lại được.

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự ngày 19/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện H8 kết luận: Chiếc xe mô tô của anh Đoàn Quốc C1 trị giá 10.000.000 đồng, chiếc điện thoại Sam sung J5 Prime trị giá 2.000.000 đồng.

Quá trình điều tra chứng minh chiếc xe mô tô trên là của anh Đoàn Quốc C1. Ngày 19/3/2018, Cơ quan điều tra trả lại cho anh Đoàn Quốc C1 xe mô tô và đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 17B1-883.73.

Đến nay, anh Đoàn Quốc C1 đề nghị bồi thường chiếc điện thoại trị giá 2.000.000 đồng, chị T9 yêu cầu được bồi thường 8.000.000 đồng.

Vụ thứ tám: Buổi sáng ngày 14/10/2017, C đi xuống khu vực bến xe L9, thành phố Hà Nội thuê xe ôm biển kiểm soát 19G1-21159 của anh Hoàng Văn T8, sinh năm 1996 ở khu 7, xã V3, huyện K3, tỉnh Phú Thọ về nhà của Nguyễn Văn L để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Quá trình đánh bạc anh T8 bị đền "tiền gà" và phải trả cho T 18.000.000 đồng, anh T8 đưa cho T xe mô tô và 01 điện thoại di động Sam sung J3, sau đó T yêu cầu anh T8 viết giấy vay nợ tiền của T, sau khi anh T8 viết giấy vay nợ xong T và C chiếm đoạt xe và điện thoại của anh T8.

C và T bán xe mô tô và điện thoại di động của anh T8 cho một người không quen biết (C, T không nhớ bán được bao nhiêu tiền, thời gian và bán cho ai, ở đâu). Số tiền chiếm đoạt được C, T và T1 chia nhau và ăn tiêu hết. Trong vụ này, T1 trực tiếp tham gia lừa đảo cùng C và T, T1 đóng vai chủ nhà và cầm bài ngồi đối diện với anh T8. Đến nay, Cơ quan điều tra chưa thu hồi lại được chiếc xe mô tô, và điện thoại di động của anh T8.

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự ngày 30/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện H8 kết luận: Chiếc xe mô tô của anh T8 trị giá 10.000.000 đồng, chiếc điện thoại Sam sung J3 trị giá 1.500.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô trên là của anh Hoàng Văn T8, anh T8 đề nghị Cơ quan điều tra tìm lại cho anh số tài sản trên.

Vụ thứ chín: Buổi sáng ngày 15/10/2017, C đi xuống khu vực đường L10, thành phố Hà Nội thuê xe ôm biển kiểm soát 30K5-7772 của anh Lê Mạnh H3, sinh năm 1995 trú tại thôn B3, xã L4, huyện K3, tỉnh Phú Thọ về nhà của Nguyễn Văn L để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Quá trình đánh bạc anh H3 bị đền "tiền gà" và phải trả cho T 19.400.000 đồng. Anh H3 viết giấy vay nợ T 19.000.000 đồng rồi đưa xe mô tô và điện thoại di động Iphone 6 Plus cho T. Sau khi anh H3 viết giấy vay nợ xong, T và C đã chiếm đoạt xe và điện thoại của anh H3.

Sau đó, C bán chiếc xe mô tô của anh H3 cho anh Phạm Văn B, sinh năm 1973 ở thôn B6, xã T17, huyện L8, tỉnh Bắc Giang với số tiền 12.400.000 đồng. C không nói cho anh B biết tài sản do phạm tội mà có. Số tiền bán xe C và T1 chia nhau và ăn tiêu hết. T sử dụng chiếc điện thoại di động của anh H3 không được chia tiền. Trong vụ này, T1 trực tiếp tham gia lừa đảo cùng C và T, T1 đóng vai chủ nhà và cầm bài ngồi đối diện với anh Lê Mạnh H3.

Ngày 16/10/2017, anh B bán chiếc xe mô tô trên cho anh Hà Ngọc Đ2, sinh năm 1974 ở thôn Phố B8, xã A3, huyện L8, tỉnh Bắc Giang. Ngày 23/10/2017, anh Đ2 giao nộp xe mô tô và đăng ký xe mô tô biển kiểm soát cho Cơ quan điều tra. Anh B trả lại anh Đ2 số tiền mua xe trên.

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự ngày 30/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện H8 kết luận: Chiếc xe mô tô của anh Lê Mạnh H3 trị giá 12.000.000 đồng, chiếc điện thoại Iphone 6 Plus trị giá 6.000.000 đồng.

Quá trình điều tra chứng minh chiếc xe mô tô trên là của anh Lê Mạnh H3. Ngày 19/3/2018, Cơ quan điều tra trả lại cho anh H3 xe mô tô và đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 30K5-7772. Chiếc điện thoại di động của anh H3 hiện nay Cơ quan điều tra đang tạm giữ.

Đến nay, anh H3 đề nghị Cơ quan điều tra trả lại chiếc điện thoại di động Iphone 6 Plus, anh B đề nghị được bồi thường 12.400.000 đồng.

Vụ thứ mười: Buổi sáng ngày 18/10/2017, T đi xuống khu vực đường H20, thành phố Hà Nội thuê xe ôm biển kiểm soát 36B2-457.09 của anh Hà Sỹ T7, sinh năm 1984 ở thôn Q2, xã H13, huyện L5, tỉnh Thanh Hóa về nhà của Nguyễn Văn L để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Quá trình đánh bạc anh H3 bị đền "tiền gà" và phải trả cho C 13.000.000 đồng. Anh T7 đưa điện thoại di động Sam sung J3 cho C, sau đó viết giấy vay nợ C 12.000.000 đồng rồi đưa xe mô tô cho C để làm tin. Sau khi anh T7 viết giấy vay nợ xong, T và C đã chiếm đoạt xe và điện thoại của anh Thao.

Ngày 22/10/2017, C bán chiếc xe mô tô của anh T7 cho anh Phạm Văn B, sinh năm 1973 ở thôn B6, xã T17, huyện L8, tỉnh Bắc Giang với số tiền 7.200.000 đồng. C không nói cho anh B biết tài sản do phạm tội mà có, C bán chiếc điện thoại di động của anh T7 cho một người không quen biết (C không nhớ bán được bao nhiêu tiền và bán cho ai, ở đâu). Số tiền chiếm đoạt được C, T và T1 chia nhau và ăn tiêu hết. Trong vụ này, T1 trực tiếp tham gia lừa đảo cùng C và T, T1 đóng vai chủ nhà và cầm bài ngồi đối diện với anh Lê Mạnh H3.

Ngày 24/10/2017, anh B giao nộp xe mô tô và đăng ký xe mô tô trên cho Cơ quan điều tra.

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự ngày 30/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện H8 kết luận: Chiếc xe mô tô của Anh T7 trị giá 8.500.000 đồng, chiếc điện thoại Sam sung J3 trị giá 2.000.000 đồng.

Quá trình điều tra chứng minh chiếc xe mô tô trên là của anh Hà Sỹ T7. Ngày 19/3/2018, Cơ quan điều tra trả lại xe mô tô và đăng ký xe mô tô trên cho anh T7. Chiếc điện thoại di động của Anh T7 không thu hồi lại được.

Đến nay, Anh T7 đề nghị bồi thường chiếc điện thoại di động trị giá 2.000.000 đồng, anh Bình đề nghị bồi thường 7.200.000 đồng.

Vụ thứ mười một: Buổi sáng ngày 21/10/2017, C đi xuống khu vực đường Đ4, thành phố Hà Nội thuê xe ôm biển kiểm soát 18K1-300.54 của anh Đoàn Văn G1, sinh năm 1997 ở thôn H10, xã N1, huyện N2, tỉnh Nam Định về nhà Nguyễn

Văn L để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Quá trình đánh bạc anh G1 bị đền "tiền gà" và phải trả cho T 17.000.000 đồng. Anh G1viết giấy vay nợ T 17.000.000 đồng rồi đưa xe mô và điện thoại di động Lenovo A7000 cho T. Sau khi anh G1viết giấy vay nợ xong, T và C đã chiếm đoạt xe và điện thoại của anh G1. C sử dụng chiếc xe mô tô của anh G1, T1 sử dụng chiếc điện thoại của anh G1. Trong vụ này, T1 trực tiếp tham gia lừa đảo cùng C và T, T1 đóng vai chủ nhà và cầm bài ngồi đối diện với anh G1.

Ngày 24/10/2017, ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1960 (bố đẻ Hoàng Văn C) giao nộp xe mô tô và đăng ký xe mô tô trên cho Cơ quan điều tra, ông Đ không biết chiếc xe trên do phạm tội mà có.

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự ngày 19/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện H8 kết luận: Chiếc xe mô tô của anh G1trị giá 10.000.000 đồng, chiếc điện thoại Lenovo trị giá 650.000 đồng.

Quá trình điều tra chứng minh chiếc xe mô tô trên là của anh Đoàn Văn G1. Ngày 19/3/2018, Cơ quan điều tra trả lại xe mô tô và đăng ký xe mô tô trên cho anh G1. Chiếc điện thoại di động của anh G1hiện nay Cơ quan điều tra đang tạm giữ.

Anh G1đề nghị bồi thường chiếc điện thoại di động trị giá 650.000 đồng.

Buổi sáng ngày 23/10/2017, Hoàng Văn C đi xuống khu vực cổng Trường đại học Thủy Lợi, thành phố Hà Nội thuê xe ôm biển kiểm soát 34D1-315.16 của anh Nguyễn Duy H4, sinh năm 1996 ở thôn H18, xã T19, huyện M3, tỉnh Hải Dương về nhà của Nguyễn Văn L mục đích để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Khi C, T, T1 và anh H4 đang đánh bạc thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công anh huyện H8 bắt quả tang. Vật chứng thu giữ gồm:

* Thu giữ trên chiếu bạc gồm: 52 quân bài tú lơ khơ, 11.700.000 đồng, 01 ca thủy tinh bên trong có 5.800.000 đồng, 01 chiếu cói.

* Thu trên người Hoàng Văn T:

- 01 điện thoại di động Iphone 6 plus màu đen, số IMEI 354393069212331;

- 01 điện thoại di động Nokia màu đen số IMEI 351681070660909;

- 01 ví da màu đen;

- 01 giấy phép lái xe số M052854 mang tên Hoàng Văn T;

- 01 chứng minh nhân dân số 132248422 mang tên Hoàng Văn T8, sinh năm 1996 ở V3, K3, Phú Thọ;

- 01 giấy vay tiền đề ngày 15/10/2017 ghi tên người vay là Lê Mạnh H3 ở L4, K3, Phú Thọ;

- 01 giấy vay tiền đề ngày 18/10/2017 ghi tên người vay là Hà Sỹ T7 ở Làng Q2- H13- L5;

- 01 con dao nhọn bằng kim loại (loại dao gấp);

* Thu trên người Nguyễn Văn T1 gồm:

- 01 đăng ký xe số 0047951 mang tên Nguyễn Văn H5;

- 01 điện thoại di động Nokia màu đen số IMEI 352381068592995;

- 01 chứng minh nhân dân số 120914437 mang tên Nguyễn Văn T1;

- 01 điện thoại di động Lenovo màu đen số IMEI1 867930025206616; số IMEI2 867930025206606.

- Số tiền 1.100.000 đồng.

* Thu trên người Hoàng Văn C gồm:

- 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng gold số IMEI 353265075028730;

- 01 điện thoại di động Nokia màu đen số IMEI1 357255057198169; IMEI2 357255057198177;

- 01 ví da màu đen;

- 01 gấy đăng ký xe số 021742 mang tên Nguyễn Gia T6 biển số đăng ký 18D1-415.27;

- 01 chứng minh nhân dân số 121457465 mang tên Hoàng Văn C;

- 01 giấy phép lái xe số 240146697139 mang tên Hoàng Văn C;

- 01 chứng minh nhân dân mang tên Trịnh Văn H6, sinh năm 1987 ở C12, T22, Hà Nam;

- 01 con dao nhọn loại dao gấp màu đen;

* Thu giữ của Nguyễn Duy H4:

- 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Duy H4;

- 01 bản phô tô giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 34D1-315.16 mang tên Nguyễn Duy H4;

- 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng;

Cùng ngày, Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp nhà của Nguyễn Văn L. Kết quả, thu giữ: 01 bình xịt hơi cay màu đỏ nhãn hiệu Prosecure; 14 bộ bài đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động Sam sung màu trắng có số IMEI1 357189056898240, số IMEI2 3571905898248; 01 xe mô tô biển kiểm soát 34D1-315.16; 01 xe mô tô biển kiểm soát 98F1-188.62.

Ngoài ra, Nguyễn Văn L giao nộp cho Cơ quan điều tra các đồ vật sau: 01 điện thoại di động Sam sung màu đen-trắng có số IMEI 35803903422743; 01 giấy phép lái xe số PC21137 mang tên Nguyễn Văn L; 01 giấy đăng ký xe mô tô số 000330 mang tên Nguyễn Văn M1, biển số 23F1-051.15 và số tiền 1.870.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định nguồn gốc số tài sản Cơ quan điều tra thu giữ như sau: số tiền 11.700.000 đồng và 5.800.000 đồng trong 01 ca thủy tinh là tiền C và T lừa đảo của các bị hại trong các vụ trước.

Số tài sản thu giữ trên người Hoàng Văn T, trong đó: chiếc điện thoại di động Iphone 6 plus màu đen, số IMEI 354393069212331 là của anh Lê Mạnh H3 (bị hại trong vụ án), chiếc điện thoại Nokia là của T dùng vào việc phạm tội, 01 chứng minh nhân dân số 132248422 mang tên Hoàng Văn T8, sinh năm 1996 ở V3, K3,

Phú Thọ là của anh T8 (bị hại trong vụ án); 01 giấy vay tiền đề ngày 15/10/2017 ghi tên người vay là Lê M H3 ở L4, K3, Phú Thọ; 01 giấy vay tiền đề ngày 18/10/2017 ghi tên người vay là Hà Sỹ T7 ở Làng Q2- H13- L5 những giấy tờ này do T yêu cầu các bị hại viết trong quá trình thực hiện hành vi lừa đảo. Các tài sản khác là của Hoàng Văn T.

Số tài sản thu giữ trên người Nguyễn Văn T1, trong đó: chiếc điện thoại di động Nokia màu đen số IMEI 352381068592995, số tiền 1.100.000 đồng là của T1 dùng vào việc phạm tội, chiếc điện thoại di động Lenovo màu đen số IMEI1 867930025206616; số IMEI2 867930025206606 là của Đoàn Văn G1 (bị hại trong vụ án), các tài sản khác là của T1 không L quan đến việc phạm tội.

Số tài sản thu giữ trên người Hoàng Văn C, trong đó: 01 điện thoại di động Nokia màu đen số IMEI1 357255057198169; IMEI2 357255057198177 là của C dùng vào việc phạm tội, 01 gấy đăng ký xe số 021742 mang tên Nguyễn Gia T6 biển số đăng ký 18D1-415.27 là của anh Nguyễn Gia T6 (bị hai trong vụ án), 01 chứng minh nhân dân mang tên Trịnh Văn H6, sinh năm 1987 ở C12, T22, Hà Nam C nhặt được ở đường. Các tài sản khác là của C không L quan đến việc phạm tội.

Số tài sản thu giữ khi khám xét nhà Nguyễn Văn L và tài sản Nguyễn Văn L giao nộp, trong đó: chiếc xe mô tô 01 xe mô tô biển kiểm soát 98F1-188.62 là xe của T đi đến nhà L, chiếc xe này T mua của một người không quen biết. Quá trình điều tra xác định là vật chứng của vụ trộm cắp tài sản xảy ra trên địa bàn huyện L8, tỉnh Bắc Giang. Ngày 29/11/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H8 bàn giao chiếc xe mô tô trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L8 để điều tra theo thẩm quyền. Các tài sản khác là của Nguyễn Văn L không L quan đến việc phạm tội.

Quá trình điều tra bị cáo Hoàng Văn C; Hoàng Văn T; Nguyễn Văn T1 đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tại bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H8, tỉnh bắc Giang đã truy tố bị cáo bị cáo Hoàng Văn C và Hoàng Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 ; truy tố bị cáo Nguyễn Văn T1 về tôi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm e khản 2 điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 04/2019/HSST ngày 16/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện H8, tỉnh Bắc Giang đã xét xử và quyết định:

Tuyên bố các bị cáo: Hoàng Văn C, Hoàng VănT và Nguyễn Văn T1 phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

1. Căn cứ điểm a Khoản 3 điều 139; khoản 2 điều 46; điểm a khoản 1 điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999.

- Xử phạt: Hoàng Văn C 09 (Chín) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, nhưng được trừ thời hạn đã tạm giữ, tạm giam bị cáo (từ ngày 23/10/2017 đến ngày 09/02/2018).

2. Căn cứ điểm a Khoản 3 điều 139; khoản 2 điều 46; điểm a khoản 1 điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999.

- Xử phạt: Hoàng Văn T 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, nhưng được trừ thời hạn đã tạm giữ, tạm giam bị cáo (từ ngày 23/10/2017 đến ngày 09/02/2018).

3. Căn cứ điểm e Khoản 2 điều 139; điểm a, g khoản 1 điều 48; Điều 20; điều 53;Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999.

- Xử phạt: Nguyễn Văn T1 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, nhưng được trừ thời hạn đã tạm giữ, tạm giam bị cáo (từ ngày 23/10/2017 đến ngày 17/4/2018).

Ngoài ra bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, tiền án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi cấp sơ thẩm xét xử xong, ngày 18/01/2019 các bị cáo Hoàng Văn C, Hoàng Văn T và Nguyễn Văn T1 đều kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Hoàng Văn C, Hoàng Văn T và Nguyễn Văn T1 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là không đúng tội danh, các bị cáo chỉ đánh bạc chứ không lừa đảo và các bị cáo yêu cầu phải điều tra và xét xử các đồng phạm về tội đánh bạc. các bị cáo bị ép cung. Bị cáo T khai bị điều tra viên Q2 và T10 đánh các bị cáo vào mặt, mang tai, đá vào sườn, đốt giấy bóng vào bộ phận sinh dục, vẫn còn một vài vết sẹo ở đùi đã chụp ảnh gửi Tòa án. Bị cáo T1 khai bị điều tra viên T10 đánh thẳng vào ngực, điều tra viên T10 nói là cứ nghe và làm theo anh T10 sẽ cho bị cáo về với vợ con nên bị cáo đã ký vào các biên bản hỏi cung. Việc đánh các bị cáo không có ai chứng kiến. Bị cáo T khai chỉ có anh Trần Văn L1 giam cùng buồng với bị cáo và bị cáo C chứng kiến việc bị cáo bị các vết bỏng do bị điều tra viên đốt giấy bóng nhỏ vào bộ phận sinh dục. Các bị cáo đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra lại, xem xét lại tội danh của các bị cáo và điều tra về các hành vi đánh bạc của những người bị hại trong vụ án.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đưa ra đề nghị xem xét các vấn đề kháng cáo mà các bị cáo nêu ra đã kết luận và đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo về đề nghị hủy án sơ thẩm, giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các bị cáo.

Luật sư Phan T4 và luật sư Đồng Duy C2 trình bày quan điểm bào chữa cho các bị cáo C, T, T1:

Về tố tụng: Cơ quan điều tra đã vi phạm tố tụng, cụ thể: Biên bản bắt người phạm tội quả tang (bút lục 168) ghi lập tại thôn T18, xã M2 ngày 23/10/2017 là không đúng mà được lập tại Công an huyện H8. Biên bản ghi lời khai (bút lục 461) thời gian hỏi cung từ 21h00 ngày 23/10/2017 kết thúc hồi 23h30 ngày 23/10/2017, như vậy điều tra viên đã hỏi cung vào ban đêm, vi phạm tố tụng tại Điều 183

BLTTHS. Việc đối chất, nhận dạng không có kiểm sát viên tham gia. Kết luận giải quyết tố cáo cho rằng không có việc ép cung dùng nhục hình nhưng sau khi xác minh, Trần Văn L1 có đơn trình bày được nghe C kể về việc bị đánh, ép cung trong quá trình điều tra. Lực cũng xác định được xem các vết bỏng trên cơ thể T. Lực giam cùng với T xác nhận có nhìn thấy bộ phận sinh dục của T vẫn có một số vết bỏng chưa liền sẹo, cơ quan điều tra chưa cho L1 và T đối chất với nhau mà chỉ ghi lời khai của L1 là chưa đảm bảo khách quan. Hội đồng xét xử đã vi phạm tố tụng, cụ thể: tại phiên tòa ngày 07/9/2018, các bị cáo đã tố cáo bị ép cung, dùng nhục hình và đề nghị triệu tập Trần Văn L1, Trần Trung H7 đến phiên tòa và trích camera trong quá trình hỏi cung nhưng Hội đồng xét xử đã không quan tâm chấp nhận là vi phạm. Các bị hại vắng mặt nhưng Hội đồng xét xử đã không dẫn giải họ đến phiên tòa để T1 hành đối chất với các bị cáo là chưa đảm bảo tố tụng. Tại phiên tòa các bị cáo đã không được trình bày về các tình tiết của vụ án là đã hạn chế quyền của các bị cáo. Bản án sơ thẩm truy tố các bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là chưa có cơ sở vững chắc. Đối với hành vi của các bị hại tham gia đánh bạc đến cùng, các bị cáo cũng khai có những bị hại chủ động gợi ý đánh bạc, thua bạc phải bán xe, viết giấy nợ, cầm đồ để lấy tiền trả do thua bạc. Do vậy, hành vi của các bị hại có dấu hiệu của tội đánh bạc, cơ quan điều tra chưa xem xét, khởi tố là bỏ lọt tội phạm. Với những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 358 BLTTHS để hủy bản án sơ thẩm số 04 ngày 16/01/2019 của Tòa án huyện H8 để điều tra lại, do việc điều tra chưa đầy đủ và có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và bỏ lọt tội phạm.

Luật sư Dương Minh K phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn C: Nhất trí quan điểm của hai luật sư. Trong các vụ án L quan đến việc chiếm đoạt thì xác định giá trị tài sản bị chiếm đoạt là quan trọng. Trong vụ án này, việc định giá tài sản là chưa đúng, lý do các tài sản chưa được thu hồi, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị trả hồ sơ để định giá lại tài sản. Những bị hại và anh Nguyễn Duy H4 trong vụ án này có dấu hiệu của tội đánh bạc, chưa xem xét xử lý hành vi của L và K2 cho các bị cáo mượn nhà để đánh bạc. Một số vi phạm tố tụng như: các quyết định khởi tố bị can (bút lục 04) không ghi rõ là khởi tố bị can theo khoản 1, khoản 2, khoản 3 hay khoản 4 Điều 139 BLHS 1999; bản kết luận điều tra bổ sung số 03 ngày 21/10/2018 không gửi cho luật sư; các tài sản là tang vật, vật chứng của vụ án mặc dù đến nay chưa tìm thấy, chưa thu thập được, nhưng CQĐT không áp dụng các biện pháp cần thiết để truy tìm. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ cho cấp sơ thẩm điều tra lại vụ án, yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân huyện H8 khởi tố vụ án hình sự "Đánh bạc", thông báo truy tìm tang vật, vật chứng của vụ án chưa thu hồi được gửi đến các nơi và đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của trung ương và địa phương, yêu cầu định giá lại tài sản theo đúng quy định tại thời điểm quy kết chiếm đoạt, khắc phục toàn bộ những vi phạm tố tụng như nếu ở trên.

Kiểm sát viên đối đáp với người bào chữa cho các bị cáo:

Về tố tụng: từ khi bắt quả tang đến khi kết thúc điều tra, các cơ quan T1 hành tố tụng đã thực hiện đúng, không vi phạm tố tụng.

Trong việc giải quyết tố cáo về việc các bị cáo cho rằng bị ép cung, dùng nhục hình: Cơ quan điều tra cũng đã có quan điểm, tòa án sơ thẩm đã trả hồ sơ

điều tra bổ sung về nội dung này, không đủ căn cứ để chứng minh các bị cáo bị ép cung, dùng nhục hình.

Việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã đảm bảo đúng trình tự quy định.

Những bị hại trong quá trình điều tra hị trình bày họ không có tiền, họ được các bị cáo đưa tiền cho để đánh bạc. Những bị hại này hoàn toàn không biết những bị cáo này có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của họ, do vậy không đủ căn cứ để hủy án khởi tố về hành vi đánh bạc của những bị hại. Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: các bị cáo T, C, T1 đều đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để điều tra lại, xem xét lại tội danh của các bị cáo, truy tố về hành vi đánh bạc đối với những bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo C, T, T1 đã nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét.

Về việc vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ L quan, người chứng kiến đã được Tòa án triệu tập hợp lệ: Xét thấy họ đã có lời khai tại cơ quan điều tra thể hiện trong hồ sơ vụ án. Do vậy, HĐXX quyết định tiếp tục xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo C, T, T1 thấy: Mặc dù tại phiên toà sơ thẩm và phúc thẩm, các bị cáo C, T và T1 không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, tuy nhiên căn cứ vào lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ L quan và người làm chứng, Hội đồng xét xử thấy:

Lời khai của các bị cáo tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay chỉ thống nhất với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra về 11 hành vi có các bị hại tham gia đánh bạc cùng mà cáo trạng truy tố, các bị cáo chỉ thừa nhận có hành vi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền sau đó do các bị hại thua nên đã tự nguyện viết giấy mua bán tài sản và cầm cố tài sản để trả nợ tiền thua bạc cho các bị cáo, không có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như cáo trạng truy tố. Tại cơ quan điều tra và Viện kiểm sát các bị cáo khai nhận có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là bị ép cung, đánh đập, dùng nhục hình. Tại phiên tòa các bị cáo không đưa ra được chứng cứ cụ thể nào để chứng minh, các bị cáo có xuất trình thêm tại phiên tòa một số tài liệu cho rằng các bị cáo bị bức cung, nhục hình. Tuy nhiên, về nội dung các bị cáo bị bức cung, dùng nhục hình thì Tòa án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung nội dung này. Ngày 03/12/2018 C, T, T1 có đơn tố cáo các điều tra viên Ngô Văn Q2, Hoàng T10 và một số cán bộ Công an huyện H8 có hành vi đánh, ép, dùng nhục hình đối với các bị cáo. Tại quyết định giải quyết tố cáo số 01/QĐ-CQĐT ngày 20/10/2018 của Thủ trưởng CQCSĐT Công an huyện H8 xác định nội dung tố cáo của các bị cáo là không có căn cứ, đã nêu rõ về trường hợp anh Trần Văn L1 bị giam giữ cùng buồng các bị cáo mà các bị cáo khai đã chứng kiến việc bị cáo T, C bị thương tích trên cơ thể là do cán bộ công an **H8**

đánh đập gây lên là không có căn cứ. Tại kết luận ĐTBS số 03 ngày 21/10/2018 của CQCSĐT Công an huyện H8 vẫn giữ nguyên quan điểm tại bản kết luận điều tra số 33 ngày 20/3/2018. Việc các bị cáo xuất trình thêm tài liệu chứng cứ cho rằng bị bức cung, dùng nhục hình thì đã được các cơ quan T1 hành tố tụng huyện H8 xem xét, làm rõ trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật, do vậy không có cơ sở xác định các bị cáo bị bức cung, nhục hình.

Căn cứ vào biên bản bắt người phạm tội quả tang (bút lục 186- 171) các bị cáo đã khai nhận bàn với nhau sẽ tổ chức đưa người từ địa phương khác về khu vực huyện H8 để tổ chức lừa chơi bạc chiếm đoạt tài sản, biên bản thực nghiệm điều tra (bút lục 174-177) bị cáo C và T đã thực hành thành thục các động tác xếp bài chia bài để buộc bị hại đánh cho người ngồi trước ăn 03 cây và bị đền làng... Lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và Viện kiểm sát phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến và phù hợp với thời gian, không gian, địa điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện: Trong khoảng thời gian từ ngày 03/5/2017 đến ngày 21/10/2017, bằng thủ đoạn thuê người lái xe ôm, xe taxi ở các tỉnh, thành phố gần với tỉnh Bắc Giang chở đến nhà của Nguyễn Văn T1, Đàm Xuân K2, Nguyễn Văn L rồi rủ họ đánh bạc bằng hình thức đánh phỏm, C và T (xếp bài, đánh tráo bài) buộc những người này phải bị đền "tiền gà" rồi chiếm đoạt tài sản của những người này. Hoàng Văn C, Hoàng Văn T, Nguyễn Văn T1 đã thực hiện 11 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn huyện H8, tỉnh Bắc Giang (Trong đó C, T thực hiện cùng M 3 vụ, thực hiện cùng T1 7 vụ, thực hiện cùng một đối tượng không quen biết do C thuê 1 vụ). Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 03/5/2017, tại nhà của Nguyễn Văn T1, C, T và một đối tượng do C thuê lừa đảo chiếm đoạt của anh Đàm Văn D số tiền 30.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Ngày 20/8/2017, tại nhà ở của Đàm Xuân K2, C, T và đối tượng M lừa đảo chiếm đoạt của anh Đặng Hoàng Q1 số tiền 24.000.000 đồng.

Vụ thứ ba: Ngày 21/8/2017, tại nhà của Nguyễn Văn T1, C, T và đối tượng M lừa đảo chiếm đoạt của anh Phạm Văn H2 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 89E1-260.40 trị giá 25.500.000 đồng và chiếc điện thoại Iphone 6 trị giá 3.500.000 đồng.

Vụ thứ tư: Ngày 31/8/2017, tại gia đình Nguyễn Văn L, C, T và đối tượng M lừa đảo chiếm đoạt của anh Nguyễn Gia T6 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 18D1-415.27 trị giá 35.000.000 đồng và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung J5 trị giá 1.000.000 đồng.

Vụ thứ năm: Ngày 19/9/2017, tại gia đình Nguyễn Văn L, C, T và T1 lừa đảo chiếm đoạt của anh Ngô Văn Đ1 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 18L1-227.07 trị giá 12.000.000 đồng, chiếc điện thoại di động Oppo A37 trị giá 1.000.000 đồng và số tiền 2.100.000 đồng.

Vụ thứ sáu: Ngày 20/9/2017, tại nhà ở của Đàm Xuân K2, C, T và T1 lừa đảo chiếm đoạt của anh Lê Hồng Q chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29U1-262.33 trị giá 14.500.000 đồng và chiếc điện thoại di động Oppo F1-S trị giá 2.100.000 đồng.

Vụ thứ bẩy: Ngày 03/10/2017, tại nhà ở của Nguyễn Văn L, C, T và T1 lừa đảo chiếm đoạt của anh Đoàn Quốc C1 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 17B1-883.73

trị giá 10.000.000 đồng và chiếc điện thoại di động Sam sung J5-Prime trị giá 2.000.000 đồng.

Vụ thứ tám: Ngày 14/10/2017, tại nhà ở của Nguyễn Văn L, C, T và T1 lừa đảo chiếm đoạt của anh Hoàng Văn T8 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 19G1-211.59 trị giá 10.000.000 đồng và chiếc điện thoại di động Sam sung J3 trị giá 1.500.000 đồng.

Vụ thứ chín: Ngày 15/10/2017, tại nhà ở của Nguyễn Văn L, C, T và T1 lừa đảo chiếm đoạt của anh Lê Mạnh H3 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 30K5-7772 trị giá 12.000.000 đồng và chiếc điện thoại di động Iphone 6 Plus trị giá 6.000.000 đồng.

Vụ thứ mười: Ngày 18/10/2017, tại nhà ở của Nguyễn Văn L, C, T và T1 lừa đảo chiếm đoạt của anh Hà Sỹ T7 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36B2-457.09 trị giá 8.500.000 đồng và chiếc điện thoại di động Sam sung J3 trị giá 2.000.000 đồng.

Vụ thứ mười một: Ngày 21/10/2017, tại nhà ở của Nguyễn Văn L, C, T và T1 lừa đảo chiếm đoạt của anh Đoàn Văn G1 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 18K1-300.54 trị giá 10.000.000 đồng và chiếc điện thoại di động Lenovo trị giá 650.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo Hoàng Văn C, Hoàng Văn T và Nguyễn Văn T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2019/HS-ST ngày 16/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện H8, tỉnh Bắc Giang xét xử bị cáo C, T theo điểm a khoản 3 Điều 139, bị cáo T1 theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ và đúng quy định pháp luật, không oan sai.

Xét tính chất đồng phạm của vụ án: Đây là vụ án đồng phạm có tổ chức, tuy nhiên C phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án này bởi lẽ C là người khởi xướng và đã 7 lần trực tiếp đi thuê xe ôm về **H8** để thực hiện hành vi lừa đảo. Tiếp theo là vai trò của Hoàng Văn T và cuối cùng là vai trò của Nguyễn Văn T1. Để thực hiện được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản giữa các bị cáo đã có sự bàn bạc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng người. Trong đó C và T thay nhau đóng vai người đi thuê xe ôm hoặc xe taxi đi đòi nợ hoặc đóng vai khách của chủ nhà đến ăn cơm cùng, còn T1 đóng vai chủ nhà làm nhiệm vụ chuẩn bị địa điểm, nấu cơm trước để khi C hoặc T đưa người lái xe ôm đến thì mời ăn cơm, uống rượu sau đó bố chí đánh bạc để thực hiện hành vi lừa đảo. Khi đánh bạc T1 luôn luôn được phân công ngồi đối diện với người lái xe ôm, người đóng vai là khách ngồi sau người lái xe ôm, người đi bắt xe ôm ngồi trước người lái xe ôm. Các bị cáo thống nhất từ trước khi thấy số tiền gà nhiều tương ứng với số tài sản (Ô tô, mô tô, điện thoại) của người lái xe ôm thì người đóng vai bắt xe ôm sẽ đánh cháo bộ bài đã được chuẩn bị và được xếp từ trước để chia cho mọi người. Tại ván bài này người lái xe ôm sẽ buộc phải đánh cho người ngồi sau mình ăn ba quân bài và phải đền gà. Sau đó C và T ép người lái xe ôm viết giấy nhận nợ, điều người lái xe ôm ra khỏi nơi đánh bạc rồi dùng thủ đoạn chiếm đoạt tài sản. Đối với T1 đóng vai chủ nhà các bị cáo

thống nhất, sau khi C và T điều người lái xe ôm đi thì T1 phải nhanh chóng rời khỏi nhà để khi người lái xe ôm quay lại thì không còn ai ở đó nữa.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, qua đó thể hiện thái độ bất chấp và coi thường pháp luật của các bị cáo nên cần xử các bị cáo thật nghiêm khắc là hoàn toàn cần thiết.

Án sơ thẩm sau khi đánh giá toàn diện, khách quan hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân dân bị cáo đã xử phạt bị cáo Hoàng Văn C 09 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" , bị cáo Hoàng Văn T 08 năm 6 tháng tù, bị cáo Nguyễn Văn T1 04 năm 6 tháng tù là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và không nặng đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Cần buộc các bị cáo phải bồi thường cho người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền và giá trị tài sản đã chứng minh được các bị cáo đã chiếm đoạt như nội dung vụ án đã tóm tắt là có căn cứ.

Về việc bỏ lọt hành vi đánh bạc của những người bị hại trong vụ án và của anh Nguyễn Duy H4 trong lần đánh bạc ngày 23/10/2017 thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ điều tra bổ sung về nội dung trên, cụ thể tại quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung (BL 642), nội dung ghi rõ "Đề nghị làm rõ hành vi của những người bị hại tham gia đánh bạc, tổng số tiền mỗi lần đánh bạc đều trên 05 triệu đồng là dấu hiệu của tội đánh bạc theo Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999". Tại công văn số 751/CV-VKS ngày 21/11/2018 về việc chuyển hồ sơ vụ án để xét xử thì Viện kiểm sát nhân dân huyện H8 có quan điểm như sau: "1. Đối với những người bị hại có hành vi đánh bạc với các bị can C, T, T1 nhưng 03 bị can lại không có mục đích đánh bạc với họ; việc các bị can tham gia đánh bạc với người bị hại là phương thức, thủ đoạn để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của những người này". Do vậy, việc không khởi tố, truy tố các bị hại về hành vi đánh bạc là có căn cứ. Đối với hành vi của L và K2 đã được đề nghị xem xét xử lý vi phạm hành chính do vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

Một số sai sót trong quá trình tố tụng của cơ quan T1 hành tố tụng thì cần rút kinh nghiệm, tuy nhiên không làm ảnh hưởng tới bản chất, nội dung vụ án cũng như hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo C, T và T1 không đưa ra được căn cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo và không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của các luật sư bào chữa cho các bị cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo Hoàng Văn C, Hoàng Văn T và Nguyễn Văn T1 như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Án phí: Áp dụng Điều 12, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội: Miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo Hoàng Văn C do bị cáo thuộc diện hộ nghèo.

Do các bị cáo Hoàng Văn T và Nguyễn Văn T1 không được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn C, Hoàng Văn T và Nguyễn Văn T1. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

- Áp dụng điểm a Khoản 3 điều 139; khoản 2 điều 46; điểm a khoản 1 điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt: Hoàng Văn C **09 (Chín) năm tù** về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, nhưng được trừ thời hạn đã tạm giữ, tạm giam bị cáo (từ ngày 23/10/2017 đến ngày 09/02/2018).

- Áp dụng điểm a Khoản 3 điều 139; khoản 2 điều 46; điểm a khoản 1 điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt: Hoàng Văn T **08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù** về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, nhưng được trừ thời hạn đã tạm giữ, tạm giam bị cáo (từ ngày 23/10/2017 đến ngày 09/02/2018).

- Áp dụng điểm e Khoản 2 điều 139; điểm a, g khoản 1 điều 48; Điều 20; điều 53;Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt: Nguyễn Văn T1 **04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù** về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, nhưng được trừ thời hạn đã tạm giữ, tạm giam bị cáo (từ ngày 23/10/2017 đến ngày 17/4/2018).

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 288, Điều 587, 589 của Bộ luật dân sự, buộc các bị cáo phải có trách nhiệm L đới bồi thường như sau:

- Hoàng Văn C, Hoàng Văn T mỗi bị cáo bồi thường cho: Anh Đàm Văn D 15.000.000 đồng, anh Đặng Hoàng Q1 12.000.000 đồng, anh Nguyễn Gia T6 18.000.000 đồng.

- Hoàng Văn C, Hoàng Văn T mỗi bị cáo bồi thường cho anh Phạm Văn H2 12.000.000đ, bị cáo T1 phải bồi thường cho anh H2 5.000.000 đồng.

- Hoàng Văn C, Hoàng Văn T mỗi bị cáo bồi thường cho anh Ngô Văn Đ1 6.050.000 đồng (Sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng), bị cáo T1 phải bồi thường cho anh Đ1 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

- Hoàng Văn C, Hoàng Văn T mỗi bị cáo bồi thường cho anh Lê Hồng Q 850.000 đồng (Tám trăm năm mươi nghìn đồng), bị cáo T1 phải bồi thường cho anh Q 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng).

- Hoàng Văn C, Hoàng Văn T mỗi bị cáo bồi thường cho anh Đoàn Quốc C1 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng), bị cáo T1 phải bồi thường cho anh C 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng).

- Hoàng Văn C, Hoàng Văn T mỗi bị cáo bồi thường cho anh Hoàng Văn T8 4.600.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng), bị cáo T1 phải bồi thường cho anh T8 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm nghìn đồng).

- Hoàng Văn C, Hoàng Văn T mỗi bị cáo bồi thường cho anh Hà Sỹ T7 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng), bị cáo T1 phải bồi thường cho Anh T7400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng).

- Hoàng Văn C, Hoàng Văn T mỗi bị cáo bồi thường cho chị Lê Thị T9 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng), bị cáo T1 phải bồi thường cho chị T9 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

- Hoàng Văn C, Hoàng Văn T mỗi bị cáo bồi thường cho anh Phạm Văn B 7.800.000 đồng (Bẩy triệu tám trăm nghìn đồng), bị cáo T1 phải bồi thường cho anh Bình 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

[2]Về án phí: Áp dụng Điều 12, điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án buộc các bị cáo Hoàng Văn T và Nguyễn Văn T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo Hoàng Văn C.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Dung